TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỸ HÀO** **TỈNH HƯNG YÊN** ---------- Số: 37/2021/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Mỹ Hào, ngày 02 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; khoản 2 Điều 149; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 73, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* ***Người yêu cầu:*** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Lê Thị T, sinh năm 1984.
2. Cháu Nguyễn Ngọc Thùy C, sinh ngày 05/12/2012.
3. Cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 13/02/2018.
4. Cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 11/6/2019.

Đều địa chỉ: Thôn L, xã D, thị xã M, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B và chị Lê Thị T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện M *(Nay là thị xã M)*, tỉnh H năm 2012 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự nên đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu là anh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị T đều có địa chỉ cư trú tại Thôn L, xã D, thị xã M, tỉnh H nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị T đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào năm 2019 và liên tục cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống,

không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, hai bên không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng rất nhiều lần xảy ra to tiếng, cãi vã, dẫn đến ly thân từ cuối tháng 12 năm 2019, mỗi người sống một nơi, việc của ai người ấy lo, thu nhập của ai người đó quản lý. Đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện và anh chị đều nhất trí ly hôn. Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực trạng hôn nhân vợ chồng nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn này theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh B và chị T có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thùy C, sinh ngày 05/12/2012; cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 13/02/2018 và cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 11/6/2019. Anh B và chị T thoả thuận anh B nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu C và cháu D đến khi thành niên; chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H đến khi thành niên và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Đối với cháu C có nguyện vọng được ở với anh B. Xét thấy, sự thỏa thuận này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu C và đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các con anh chị. Vì vậy, Tòa án sẽ công nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

[4] Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh B và chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh B và chị T thỏa thuận là anh B tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Lê Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Lê Thị T có 03 con chung là cháu cháu Nguyễn Ngọc Thùy C, sinh ngày 05/12/2012; cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 13/02/2018 và cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 11/6/2019. Anh chị thỏa thuận giao cháu C và cháu D cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên; giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Anh B và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh B và chị T có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai đ□ợc cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Anh B và chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

2. Về lệ phí: Anh B và chị T thỏa thuận là anh B tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Được đối trừ vào số

tiền 300.000 đồng anh B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004390 ngày 15/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh H. Anh B đã nộp xong lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Mỹ Hào;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hào;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Dương Quang;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Lâm